

Số: 09 /2024/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4695/TTr-STNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Giao thông Vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Xây dựng; Y tế; Thủ trưởng

các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Hà Giang;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin Công báo;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Kèm theo Quyết định số 09 /2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết khoản 7 Điều 72 Luật Bảo vệ môi trường và hoạt động quản lý chất thải tại các điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm:

a) Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế quy định tại khoản 6 Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 5 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

b) Thu gom và chuyển giao chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị và nông thôn; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường;

c) Phân loại chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân; phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh; tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; quản lý chất thải nhựa quy định tại khoản 6 Điều 73 khoản 2, khoản 6 Điều 75, khoản 4 Điều 77, khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường; phân công trách nhiệm quản lý cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp dưới về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63, khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

d) Thiết bị định vị, tuyến đường và thời gian hoạt động của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại quy định tại điểm c khoản 5 Điều 81, khoản 3 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quy định này không quy định về quản lý chất thải y tế nguy hại là chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế; việc quản lý chất thải phóng xạ phát sinh từ hoạt động y tế thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

3. Các nội dung về quản lý chất thải (phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy) không có trong Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có các hoạt động liên quan đến phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý và quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Các Sở, ban, ngành có liên quan đến quản lý nhà nước về chất thải; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ

Điều 3. Thu gom chất thải rắn y tế

1. Yêu cầu chung về thu gom chất thải rắn y tế:

a) Chất thải rắn y tế phải được phân định, phân loại theo quy định pháp luật trước khi thu gom;

b) Chất thải rắn y tế nguy hại phải được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải rắn y tế thông thường; trường hợp chất thải rắn y tế nguy hại được tự xử lý, thu hồi năng lượng tại cơ sở y tế phát sinh chất thải thì căn cứ vào công nghệ, kỹ thuật hiện có, chủ nguồn thải chất thải rắn y tế nguy hại được lựa chọn phân loại hoặc không phân loại chất thải rắn y tế nguy hại;

c) Chất thải rắn y tế thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn y tế thông thường không sử dụng để tái chế phải được thu gom riêng;

d) Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế do cơ sở y tế ban hành phù hợp với tình hình thực tế phát sinh chất thải của đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

2. Chất thải rắn thông thường được thu gom bằng phương tiện, thiết bị, dụng cụ phù hợp với kích thước, khối lượng chất thải cần thu gom, bảo đảm không rò rỉ, phát tán chất thải ra ngoài môi trường trong quá trình thu gom.

3. Thu gom chất thải rắn nguy hại lây nhiễm:

a) Cơ sở y tế quy định luồng đi và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở y tế;

b) Dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom;

c) Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong cơ sở y tế. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín;

d) Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ ở gần nơi phát sinh chất thải để loại bỏ mầm bệnh bằng thiết bị khử khuẩn. Đối với cơ sở y tế không có thiết bị khử khuẩn chất thải, trước khi thu gom túi đựng chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải buộc kín miệng túi và tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2, buộc kín miệng túi và bỏ vào thùng thu gom chất thải lây nhiễm, bên ngoài thùng có dán nhãn “CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO”, được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải lây nhiễm để xử lý hoặc chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định;

đ) Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế tối thiểu một lần một ngày. Đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg trong một ngày, chất thải lây nhiễm được thu gom với tần suất tối thiểu một lần một ngày, chất thải lây nhiễm sắc nhọn được thu gom tối thiểu là một lần một tháng.

4. Thu gom chất thải rắn nguy hại không lây nhiễm:

a) Chất thải rắn nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong cơ sở y tế;

b) Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp, bảo đảm không bị rò rỉ, phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

Điều 4. Vận chuyển chất thải rắn y tế

1. Vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường phải xử lý:

a) Chất thải rắn y tế thông thường phải xử lý (trừ loại chất thải được quản lý như sản phẩm, hàng hóa thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định này) phải được vận chuyển đến cơ sở có chức năng phù hợp để xử lý theo quy định pháp luật;

c) Mỗi lần chuyển giao chất thải rắn y tế thông thường phải xử lý cho cơ sở xử lý chất thải phải sử dụng biên bản bàn giao chất thải theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

c) Cơ sở dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải phải sử dụng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông thường của cơ sở y tế đi xử lý;

d) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, phương tiện vận chuyển các loại chất thải rắn y tế thông thường phải xử lý còn lại của cơ sở y tế phải đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải và yêu cầu sau:

- Bảo đảm không rơi vãi chất thải, phát tán bụi, mùi trong quá trình vận chuyển chất thải; xe tải thùng hở phải phủ bạt che kín nắng, mưa trong quá trình thu gom, lưu chứa, vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường phải xử lý;

- Chất thải được lưu chứa trong thiết bị lưu giữ chất thải hoặc lưu chứa trực tiếp trên các phương tiện vận chuyển phù hợp với tính chất của chất thải rắn y tế thông thường phải xử lý; thiết bị lưu giữ chất thải được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Bảo đảm lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vò;

+ Bao bì mềm được buộc kín, bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc rơi vãi ra môi trường;

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng;

- Phương tiện vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường phải xử lý đang hoạt động phải có dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI” ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm, kèm theo tên cơ sở xử lý chất thải, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

2. Vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại:

a) Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh của cơ sở y tế không có năng lực tự xử lý chất thải theo quy định phải được chuyển giao, vận chuyển đến cơ sở có năng lực phù hợp để xử lý theo thứ tự ưu tiên sau:

- Chuyển giao chất thải cho cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại được cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định pháp luật; mỗi lần chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại phải ghi đầy đủ trong sổ giao nhận chất thải theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Chuyển giao chất thải cho cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chất thải rắn y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở y tế trong cụm có năng lực xử lý chất thải phù hợp, được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt); việc vận chuyển chất thải trong trường hợp này do cơ sở y tế phát sinh chất thải và cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải tự thỏa thuận thống nhất, phù hợp năng lực của mỗi bên; mỗi lần chuyển giao chất thải rắn y tế nguy hại phải ghi đầy đủ trong sổ giao nhận chất thải theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

b) Phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

- Chất thải y tế nguy hại trước khi vận chuyển phải đóng gói trong các bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế, bảo đảm không bị bục, vỡ hoặc phát tán chất thải trong quá trình vận chuyển;

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại lắp đặt trên phương tiện vận chuyển phải có thành, đáy, nắp kín, kết cấu cứng, chịu va chạm, không bị rách, vỡ, rò rỉ chất thải, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển; được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và bảo đảm không bị rơi, đổ trong quá trình vận chuyển chất thải;

- Phương tiện vận chuyển chất thải y tế nguy hại phải có thùng hoặc khoang kín được bảo ôn; kích thước của thùng chứa gắn trên phương tiện vận chuyển thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải;

- Đối với các khu vực không sử dụng được phương tiện vận chuyển chuyên dụng để vận chuyển chất thải y tế nguy hại, được sử dụng các loại phương tiện vận chuyển là xe mô tô, xe gắn máy có thùng chứa và được gắn chặt trên giá đỡ hàng (phía sau vị trí ngồi lái); kích thước của thùng chứa gắn trên xe mô tô, xe gắn máy thực hiện theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.

3. Đơn vị nhận chuyên giao chất thải y tế phải thực hiện vận chuyển theo quy định, không làm thất thoát chất thải y tế ra bên ngoài.

Điều 5. Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

1. Chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Xử lý tại cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn y tế nguy hại được cấp phép xử lý chất thải nguy hại theo quy định pháp luật;

b) Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Tự xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trong khuôn viên cơ sở y tế đối với các cơ sở y tế có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Mục 2

QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 6. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng nguy hại

1. Chất thải rắn xây dựng nguy hại phải được phân loại ngay khi phát sinh, thu gom kịp thời và lưu giữ riêng từng loại chất thải sau khi đã phân loại phù hợp với biện pháp xử lý chất thải theo quy định, không để rò rỉ, phát tán chất thải ra môi trường xung quanh khu vực xây dựng.

2. Việc phân loại, lưu chứa, lưu giữ tạm thời, chuyên giao, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng nguy hại thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Điều 7. Thu gom chất thải rắn xây dựng thông thường

1. Chất thải rắn xây dựng thông thường được phân loại riêng, thu gom kịp thời về khu vực lưu giữ tạm thời chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại khoản 2, khoản 3 Điều này để chờ vận chuyển đi tái chế, tái sử dụng, xử lý hoặc thu gom và chuyên thẳng đến cơ sở tái chế, tái sử dụng chất thải, cơ sở xử lý chất thải phù hợp với đặc điểm của từng loại chất thải như sau:

a) Chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được thu gom để tái chế, tái sử dụng theo quy định;

b) Đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được thu gom để tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định;

c) Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được thu gom để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp;

d) Chất thải rắn xây dựng thông thường còn lại (bao gồm chất thải quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này không được tái chế, tái sử dụng) phải thu gom để xử lý theo quy định.

2. Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải quy định tại khoản 1 Điều này phải có cao độ nền bảo đảm thoát nước mưa, không bị ngập lụt, không rò rỉ chất thải ra có biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn bảo đảm đáp ứng quy chuẩn môi trường đối với mặt bằng bãi chứa chất thải ngoài trời, có biện pháp khống chế, giảm thiểu bụi phát tán ra môi trường xung quanh đối với chất thải có phát sinh bụi. Trường hợp khu vực lưu giữ tạm thời chất thải là nhà kho phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu từ cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng và bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt của khu đô thị, khu dân cư được thu gom vào thiết bị, dụng cụ lưu chứa và lưu giữ tại khu vực lưu giữ tạm thời chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc thu gom và lưu chứa trực tiếp vào thùng chứa được lắp cố định hoặc có thể tháo rời theo trên phương tiện vận chuyển.

4. Thiết bị, dụng cụ lưu chứa, thùng chứa để thu gom chất thải quy định tại khoản 3 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Bảo đảm lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vò;

b) Bao bì mềm được buộc kín, bao bì cứng có nắp đậy kín để bảo đảm ngăn chất thải rò rỉ hoặc rơi vãi ra môi trường;

c) Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

Điều 8. Vận chuyển chất thải rắn xây dựng thông thường

1. Chất thải rắn xây dựng thông thường phải được vận chuyển theo loại sau khi đã phân loại theo quy định.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng thông thường phải đáp

ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải, bảo đảm không rơi vãi chất thải, phát tán bụi, mùi trong quá trình vận chuyển. Xe tải thùng hở phải phủ bạt che kín mura trong quá trình thu gom, lưu chứa, vận chuyển chất thải rắn xây dựng thông thường.

3. Trừ trường hợp xử lý chất thải rắn xây dựng thông thường bằng biện pháp chôn lấp, đổ thải trong diện tích bãi thải của dự án được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, phải sử dụng biên bản bàn giao chất thải theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT mỗi lần chuyển giao cho cơ sở xử lý chất thải có chức năng phù hợp đối với chất thải rắn xây dựng thông thường thuộc loại phải xử lý theo quy định; phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng thông thường phải xử lý đang hoạt động phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và phải có dòng chữ “VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI” ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm, kèm theo tên cơ sở xử lý chất thải, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

Điều 9. Xử lý chất thải rắn xây dựng thông thường

1. Chất thải rắn xây dựng thông thường tại điểm d khoản 1, khoản 3 Điều 7 Quy định này được xử lý theo quy định như sau:

a) Xử lý tại cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải có năng lực phù hợp;

b) Đối với địa bàn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn thông thường từ hoạt động xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước được xử lý bằng biện pháp chôn lấp tại địa điểm phù hợp do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

c) Trường hợp chất thải rắn xây dựng thông thường phải xử lý của dự án đầu tư xây dựng không thể xử lý được một phần hoặc toàn bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải chôn lấp, đổ thải mà diện tích đất dự kiến sử dụng làm bãi thải chất thải rắn xây dựng thông thường của dự án không nằm trong diện tích Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án hoặc không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai, chủ dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan để được phối hợp lựa chọn, thống nhất địa điểm thửa đất phù hợp đề xuất sử dụng tạm thời làm bãi chôn lấp, đổ thải chất thải rắn xây dựng thông thường của dự án, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Bãi chôn lấp, đổ thải đất, đá, chất thải rắn xây dựng thông thường từ hoạt động xây dựng của các dự án đầu tư xây dựng công trình (trường hợp xác định dự án có nhu cầu chôn lấp, đổ thải) là một nội dung của các giải pháp, phương án bảo vệ môi trường trong hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng, được thẩm định, phê duyệt đồng thời với thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Tiêu chí lựa chọn khu đất phù hợp sử dụng tạm thời làm bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng thông thường gồm:

a) Hoạt động đổ thải không làm thay đổi mục đích sử dụng đất; hoặc có làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng không thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc làm thay đổi mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của các khu vực giáp với khu đất trong quá trình đổ thải và sau khi kết thúc đổ thải, hoàn trả mặt bằng;

c) Không chông lấn vào hành lang bảo vệ nguồn nước, phạm vi quy định lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật tài nguyên nước;

d) Có khả năng tiêu thoát nước mưa, bảo đảm an toàn phòng chống lũ quét, phòng trượt, sạt lở bãi thải;

đ) Phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, khoảng cách an toàn môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức lựa chọn, phê duyệt địa điểm trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được sử dụng làm bãi chôn lấp, đổ thải chất thải rắn thông thường từ hoạt động xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước;

b) Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công về xử lý chất thải rắn xây dựng thông thường theo phương pháp chôn lấp đối với địa điểm xử lý chất thải quy định tại điểm a khoản này theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo Phòng Kinh tế Hạ tầng/Quản lý đô thị chủ trì phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan, chủ dự án đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thuộc địa bàn quản lý, đại diện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để tiến hành lựa chọn, thống nhất địa điểm đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này đề xuất sử dụng tạm thời làm bãi chôn lấp, đổ thải chất thải rắn xây dựng thông thường của dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; kết quả thống nhất thể hiện bằng văn bản giấy kèm theo sơ đồ, bản đồ xác định vị trí, địa điểm, ranh giới, tọa độ khu đất được lựa chọn, có chữ ký xác nhận của các thành phần tham dự, cung cấp cho chủ dự án ít nhất một (01) bản chính phục vụ lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng theo quy định;

d) Quản lý hoạt động chôn lấp, đổ thải chất thải, hoạt động bảo vệ môi trường, cải tạo mặt bằng và sử dụng đất của bãi chôn lấp, đổ thải chất thải rắn xây dựng thông thường trên địa bàn;

đ) Lồng ghép nội dung quy hoạch khu xử lý chất thải rắn xây dựng, bãi chôn lấp, đổ thải chất thải rắn thông thường từ hoạt động xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trong quá trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định;

e) Rà soát lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định bảo đảm thống nhất, phù hợp với nội dung quy hoạch khu xử lý chất thải rắn xây dựng, bãi chôn lấp, đổ thải chất thải rắn xây dựng thông thường từ hoạt động xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trong các đồ án quy hoạch xây dựng.

5. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép quy hoạch khu xử lý chất thải rắn xây dựng trong quá trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Sau khi được thẩm định, phê duyệt địa điểm sử dụng tạm thời làm bãi chôn lấp, đổ thải chất thải rắn xây dựng thông thường theo quy định tại khoản 2 điều này, chủ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng thửa đất được phê duyệt sử dụng tạm thời làm bãi chôn lấp, đổ thải đất, đá, chất thải rắn xây dựng thông thường của dự án về kế hoạch chôn lấp, đổ thải trước khi thực hiện đổ thải;

b) Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, phòng ngừa sự cố lũ quét, trượt sạt lở đối với bãi thải, cải tạo mặt bằng, phục hồi đất sau khi kết thúc đổ thải theo quy định;

c) Bồi thường, khắc phục thiệt hại do hoạt động chôn lấp, đổ thải gây ra (nếu có) theo quy định pháp luật;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan giải quyết các vấn đề phát sinh do hoạt động chôn lấp, đổ thải (nếu có).

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất quy định tại điểm c khoản 4 Điều này có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có) theo quy định của pháp luật về đất đai.

Mục 3**QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT****Điều 10. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phối hợp với cơ sở được lựa chọn cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý tổ chức hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn bảo đảm phù hợp với công nghệ xử lý chất thải của cơ sở được lựa chọn cung cấp dịch vụ xử lý chất thải của địa phương, giảm thiểu tối đa khối lượng chất thải phải xử lý bằng phương pháp chôn lấp hoặc tiêu hủy theo nguyên tắc phân loại chất thải như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm: giấy thải; nhựa Polyethylene Terephthalate (PETE hoặc PET) thải, nhựa Polyethylene mật độ cao (HDPE) thải, Polyethylene mật độ thấp (LDPE) thải, Polypropylene (PP) thải; kim loại thải, thủy tinh thải; thiết bị điện, điện tử thải bỏ; các loại chất thải rắn khác có khả năng tái sử dụng, tái chế, không bao gồm nhựa, kim loại, thủy tinh, chất thải rắn khác có bám dính hoặc được sử dụng làm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại;

b) Chất thải thực phẩm gồm thức ăn thừa; thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ khác từ thực phẩm sau khi sơ chế, chế biến món ăn;

c) Chất thải nguy hại gồm nhựa, kim loại, thủy tinh thải và chất thải rắn khác có dính hoặc được sử dụng làm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại; kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh; các loại bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh hoạt tính thải, nhiệt kế có chứa thủy ngân thải; các loại pin, ắc quy thải; các chất thải rắn khác từ sinh hoạt có thành phần nguy hại;

d) Chất thải công kênh là vật dụng trong sinh hoạt được thải bỏ có kích thước lớn vượt quá khả năng chứa, thu gom của thùng chứa, thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng có sẵn hoặc vượt quá khả năng chứa của bao bì thu giá dịch vụ theo quy định, thực hiện phân loại cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này;

đ) Chất thải khác còn lại không thuộc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản này.

2. Cá nhân, hộ gia đình là chủ nguồn chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm:

a) Phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại điểm a, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều này và chuyển giao chất thải cho:

- Đơn vị thu mua phục vụ mục đích tái sử dụng, tái chế chất thải đối với chất thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Nhà sản xuất, nhập khẩu, đơn vị tái chế, bên được ủy quyền để thực hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong tái chế sản phẩm, bao bì theo quy định pháp luật;

- Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

b) Phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này để tái sử dụng trực tiếp hoặc chuyển giao trực tiếp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm thức ăn gia súc, gia cầm, ủ làm phân bón cho cây trồng, hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Phân loại chất thải rắn công kênh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này để chuyển giao tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13 Quy định này.

3. Đơn vị dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận chất thải quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định pháp luật.

Điều 11. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

Chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân ở khu vực đô thị và khu vực ngoài đô thị có cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải sử dụng bao bì hoặc thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt đúng loại theo quyết định về hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khi thu gom chất thải đến điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc khi chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của địa phương.

Điều 12. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt khi tham gia giao thông trên các tuyến đường giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ phương án tổ chức giao thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành theo quy định của pháp luật. Không dừng, đỗ xe đang chở chất thải rắn sinh hoạt tại những nơi có sự kiện đang tập trung đông người, công chợ, cơ quan, trường học, trừ dừng xe để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 13. Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh

1. Chất thải công kênh được phân loại như sau:

a) Chất thải công kênh có thể tái sử dụng trực tiếp sau khi sơn, sửa lại.

b) Chất thải công kênh thuộc danh mục sản phẩm, bao bì tái chế bắt buộc theo quy định.

c) Chất thải công kênh còn lại cần thải bỏ.

2. Chất thải công kênh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được chuyển giao cho cá nhân, hộ gia đình, tổ chức có nhu cầu để tái sử dụng.

3. Chất thải công kênh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được chuyển giao cho nhà sản xuất, nhập khẩu, đơn vị tái chế, bên được ủy quyền để thực

hiện trách nhiệm của nhà sản xuất, nhập khẩu trong tái chế sản phẩm, bao bì theo quy định pháp luật.

4. Chủ nguồn chất thải công kênh quy định tại điểm ckhoản 1 Điều này tự mình hoặc thỏa thuận với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để thu gom, vận chuyển chất thải công kênh đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nếu có.

Điều 14. Quản lý chất thải nhựa

1. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

2. Hoạt động đầu tư mới dự án sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông, bao bì khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa trên địa bàn tỉnh Hà Giang phải tuân thủ theo lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn tỉnh Hà Giang phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý chất thải nhựa theo quy định.

3. Tổ chức, cơ quan, đơn vị là đơn vị dự toán thuộc diện ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã cấp kinh phí hoạt động không được sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm túi ni lông khó phân hủy sinh học (là túi ni lông không được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam theo quy định của pháp luật), thìa, đĩa, ống hút, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm, nước uống đóng chai bằng nhựa sử dụng một lần.

4. Tổ chức, cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị các cấp tỉnh Hà Giang không được sử dụng túi ni lông khó phân hủy sinh học, thìa, đĩa, ống hút, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm, nước uống đóng chai bằng nhựa sử dụng một lần để phục vụ các cuộc họp, hội nghị trên địa bàn tỉnh.

5. Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang các cấp tỉnh Hà Giang có trách nhiệm gương mẫu thực hiện và tích cực vận động người thân, Nhân dân nơi cư trú thu gom chất thải nhựa, sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường thay cho sản phẩm nhựa khó phân hủy sinh học, không sử dụng, giảm thiểu sử dụng túi ni lông khó phân hủy sinh học, sản phẩm nhựa sử dụng một lần.

Điều 15. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất thải rắn sinh hoạt

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của tỉnh trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí quỹ đất cho khu xử lý chất thải

rắn sinh hoạt, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh;

b) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư công để đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí khác thuộc ngân sách tỉnh chi hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; kinh phí chi xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do Nhà nước quản lý và các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quản lý và khả năng cân đối của ngân sách địa phương hàng năm.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lồng ghép nội dung quy hoạch điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, bảo đảm chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý phải được thực hiện phân loại tại nguồn theo quy định chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024;

c) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý;

d) Chỉ đạo kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, bao gồm việc chấp hành quy định không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch;

đ) Bố trí kinh phí và tổ chức xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tự phát trên địa bàn quản lý;

e) Bố trí kinh phí hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quản lý; tổ chức thu gom, xử lý chất thải nhựa khó phân hủy sinh học (bao bì, túi ni lông, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm, chai lọ nhựa, các sản phẩm thải bỏ khác bằng nhựa khó phân hủy sinh học) vớt, thải, bỏ trên vỉa hè, lòng đường hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc các điểm dừng chân, trạm dừng nghỉ công cộng cho khách du lịch trên địa bàn quản lý; bố trí kinh phí vận hành khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng ngân sách Nhà nước hoặc do Nhà nước quản lý trên địa bàn;

g) Mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nhân rộng các mô hình tự quản về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (là mô hình mà kinh phí duy trì hoạt động của bộ máy quản lý và người lao động trực tiếp thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải dựa trên sự đóng góp của Nhân dân, không sử dụng ngân sách nhà nước) tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng cao trên địa bàn quản lý chưa cung cấp được dịch vụ công ích về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

h) Bố trí mặt bằng, đầu tư xây dựng điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên xã trên địa bàn quản lý theo quy hoạch, quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật xây dựng, pháp luật khác có liên quan và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước;

i) Đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý theo quy định pháp luật và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước;

k) Lồng ghép nội dung quy hoạch điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định;

l) Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định bảo đảm thống nhất, phù hợp với nội dung quy hoạch điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong các đồ án quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

b) Chủ trì, phối hợp với cơ sở được lựa chọn cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, đại diện cộng đồng dân cư, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn quản lý xác định vị trí, thời gian thu gom, quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết, trạm trung chuyển, tần suất và

tuyên thu gom chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm;

c) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, vận động Nhân dân trên địa bàn quản lý chấp hành pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; tuyên truyền, vận động việc hạn chế sử dụng bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy sinh học và sản phẩm nhựa sử dụng một lần, chấp hành quy định không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch;

d) Hỗ trợ thành lập, hướng dẫn hoạt động và hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho tổ chức tự quản về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

Mục 4

THIẾT BỊ ĐỊNH VỊ, TUYẾN ĐƯỜNG VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

Điều 16. Yêu cầu về thiết bị định vị của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại

Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại là xe ô tô tải, công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp đặt thiết bị định vị (thiết bị giám sát hành trình) tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô và đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục trong thời gian xe tham gia giao thông, thực hiện lưu trữ và kết nối, chia sẻ, truyền dẫn các thông tin tối thiểu theo quy định của pháp luật về thiết bị giám sát hành trình xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa.

Điều 17. Tuyến đường và thời gian hoạt động vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và chất thải nguy hại

Tuyến đường và thời gian hoạt động trên các tuyến đường giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Giang của phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải tuân thủ phương án tổ chức giao thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành theo quy định của pháp luật. Không dừng, đỗ xe đang chở chất thải tại những nơi có sự kiện đang tập trung đông người, công chợ, cơ quan, trường học, trừ dừng xe để thu gom chất thải.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân

1. Các Sở Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Giao thông Vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Xây dựng; Y tế; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan thực hiện các trách nhiệm tại Quy định này và quy định của các pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, Nhân dân thực hiện Quy định này.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Quy định này được phổ biến, quán triệt đến tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quy định này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật quy định việc sửa đổi, bổ sung.

3. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.